MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/6/2024

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,284.41	246.41
% Thay đổi	-0.49%	0.34%
KLGD (CP)	949,661,895	97,891,284
GTGD (tỷ đồng)	25,388.71	2,083.76
Tổng cung (CP)	2,673,889,394	148,651,800
Tổng cầu (CP)	2,533,782,900	132,010,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	87,162,412	1,610,605
KL mua (CP)	38,764,279	2,384,402
GT mua (tỷ đồng)	1,176.62	73.99
GT bán (tỷ đồng)	3,021.62	47.38
GT ròng (tỷ đồng)	(1,845.00)	26.61

Tương quan cung cầu HOSE

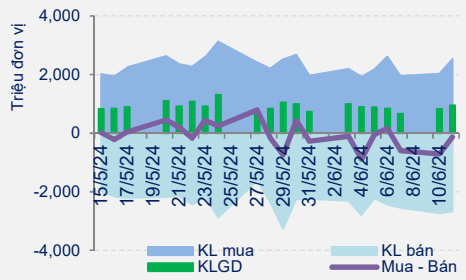

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

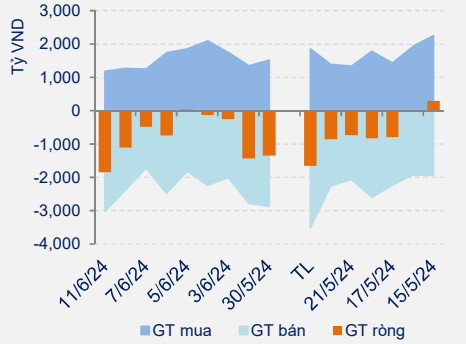

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX

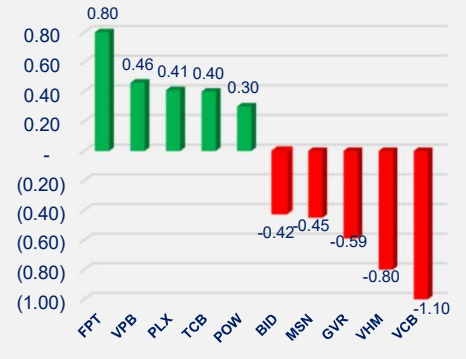

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Với việc khối ngoại tăng cường đà bán ròng phiên hôm nay khi thị trường tiến gần tới ngưỡng kháng cự mạnh 1.300 điểm, VN-Index kết phiên -6,26 điểm (-0,49%), tại 1.284,41 điểm, điểm tích cực là HNX kết phiên vẫn trong sắc xanh tại 246,41 điểm (+0,83 điểm, tương ứng +0,34%). Độ rộng thị trường trên cả 2 sàn nghiêng về tiêu cực khi có tới 226 mã giảm giá, 108 mã tăng giá, 41 mã tham chiếu tại HOSE. Tại HNX có 98 mã giảm giá, 76 mã tăng giá, 54 mã tham chiếu.

Thanh khoản trên cả 2 sàn tăng so với phiên giao dịch trước khi khối lượng giao dịch (không bao gồm thỏa thuận) tăng +10,4% tại HOSE và +11,07% tại HNX, đều cao hơn so với trung bình 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng qua. Phiên giao dịch hôm nay, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng mạnh với -1,845.5 tỷ đồng tại HOSE tập trung vào các mã FPT (-259,9 tỷ đồng), VHM (-209,1 tỷ đồng), HPG (-203,9 tỷ đồng), và TCB (-118,9 tỷ đồng), các mã mua ròng ít hơn, gồm có PLX (+70,2 tỷ đồng), HAH (+47,3 tỷ đồng)...Trên sàn HNX, cùng với sắc xanh phiên hôm nay là lực mua ròng từ khối ngoại với +26,8 tỷ đồng, tập trung tại các mã MBS (+7,9 tỷ đồng), IDC (+7,9 tỷ đồng) và TIG (+7,7 tỷ đồng)...bán ròng tiêu biểu như HUT(- 2,14 tỷ đồng), PVS (-1,7 tỷ đồng)...

Theo báo cáo mới công bố, ngân hàng UOB (Singapore) dự báo GDP quý 2 của Việt Nam sẽ đạt 6% và duy trì dự báo cả năm 2024 tăng trưởng 6%. Trong những tháng còn lại của năm 2024, UOB cũng đặt kỳ vọng Ngân hàng Nhà nước sẽ giữ nguyên lãi suất tái cấp vốn ở mức 4,5% như hiện tại và tập trung nỗ lực hỗ trợ tăng trưởng tín dụng cũng như các biện pháp hỗ trợ khác. Về tỷ giá, ngân hàng này dự báo VND có thể phục hồi trong nửa cuối năm 2024 do áp lực bên ngoài từ đồng USD giảm trước đợt cắt giảm lãi suất dự kiến của Fed cũng như được hưởng lợi từ sự phục hồi tiếp theo của Nhân dân tệ do nền kinh tế Trung Quốc đang có dấu hiệu ổn định rõ ràng hơn. Dự báo tỷ giá sẽ neo ở mức 25.200 đồng/USD trong quý 3 tới và 25.000 đồng/USD vào quý cuối năm nay.

Ghi nhận trong phiên hôm nay, một số ngành chứng kiến nhiều mã tăng điểm như ngành Phân Bón với DCM (+1,29 %), DPM (+0,52 %), LAS (+0,87 %), nhóm ngành Chứng Khoán với SSI (+1,3 %), HCM (+1,4 %), MBS (+2,1 %), BSI (+2,9%), và đặc biệt là VCI (+4,9%) ...Bên cạnh đó đà tăng ấn tượng của nhóm Công Nghệ Thông Tin vẫn chưa dừng lại khi FPT (+1,74%), ITD (+6,36%), ELC (+4,23%). Dòng tiền cũng vẫn động tích cực ở nhóm Dầu Khí, các cổ phiếu như PLX (+2,98 %), PVD (+0,94 %), PVS (+0,9%) hay cổ phiếu tiêu biểu ngành điện POW (+3,7%).

Tác động tiêu cực nhất tới VN-Index trong phiên hôm nay là nhóm cổ phiếu Bất Động Sản bao gồm VIC (-0,6%), VHM (-1,9%), VRE (-1,8%) bên cạnh NVL (-3,4%), TCH (-2,02%), HPX (-3,37%), QCG (-3,06%)…Nhóm Bảo Hiểm tiếp tục có phiên giảm điểm với BVH (-1,4%), bên cạnh đó là BMI (-2,51 %), MIG (-0,95 %). Ngoài ra cũng phải kể đến nhóm Du Lịch với VJC (-2,94%), HVN (- 1,9%), SCS (-2,73 %)...ngoại trừ cổ phiếu SKG (+2,37%).

Nhóm cổ phiếu Ngân hàng tiếp tục phân hóa với các mã giảm điểm gồm VCB (-0,9%), CTG (-0,9%), ACB (-1%)…trong khi tăng điểm là TCB (+0,9%), STB (+0,3%), VIB (+1,6%, VPB (+1,4%). Diễn biến tương tự cũng diễn ra tại ngành Bất Động Sản Khu Công Nghiệp khi LHG (+6,98%) giao dịch tích cực khi tiến độ đầu tư dự án Long Hậu 3.1 đang có triển vọng tích cực hơn nhờ các điểm nghẽn lớn về giải phóng mặt bằng và tính tiền sử dụng đất có cải thiện đáng kể. Tuy nhiên những cổ phiếu khác cùng ngành như SIP (-2,24%), ITA (-2,65%), TIP (-1,42%) lại có diễn biến trái ngược.

Phân nhóm theo vốn hóa thì phiên hôm nay, theo thứ tự VNMID giảm nhiều nhất (-0,65%), tiếp đến là VNSML (-0,35%) và cuối cùng là VN30 (-0,21%).

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 giảm -5,9 điểm (-0,45%) về mức 1.305 điểm. Chênh lệch âm mở rộng lên -3,3 điểm so với VN30. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch +28,5% so với phiên trước, cao hơn mức trung bình 20 phiên, cho thấy nhà đầu tư đã tăng vị thế phòng ngừa rủi ro khi VN30 đang biến động mạnh. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2406 vẫn có thể kiểm định lại vùng 1.290 điểm. Các kỳ hạn VN30F2407, VN30F2409, VN30F2412cũng chênh lệch âm mở rộng từ -2,4 điểm đến -3,2 điểm so với VN30. Khối lượng mở OI hôm nay là +54.910, tăng so với phiên gần nhất là +53.062, cho thấy xu hướng gia tăng các vị thế nắm giữ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau nhiều phiên liên tiếp chịu áp lực bán ở vùng kháng cự mạnh quanh 1.295 điểm tương ứng giá cao nhất tháng 03/2024 và tháng 08/2022. Áp lực bán, rung lắc đã gia tăng mạnh hơn trong phiên hôm nay, với thanh khoản gia tăng, nhiều mã/nhóm mã chịu áp lực điều chỉnh mạnh, thanh khoản gia tăng khá đột biến. Kết phiên VN-INDEX giảm 6,26 điểm (-0,24%) về 1.284,41 điểm, quay trở lại vùng giá quanh 1.275 điểm tương ứng vùng giá cao phiên giảm mạnh ngày 15/04/2024.

Trong ngắn hạn nhà đầu tư đang thận trọng chờ đợi thông tin của họp FED diễn ra vào ngày 13/06/2024, dẫn đến các vị thế bán gia tăng nhiều ở các mã có tính chất đầu cơ, các mã đã tăng giá mạnh trong thời gian ngắn khi VN-INDEX đang gặp vùng kháng cự mạnh. VN-INDEX trong ngắn hạn đang chịu áp lực điều chỉnh ở vùng kháng cự mạnh như chúng tôi đã đề cập trong nhiều bản tin trước và đang quay trở lại tích lũy trong kênh giá 1.250 điểm - 1.300 điểm, điểm cân bằng của kênh giá này là vùng 1.275 điểm, cũng tương đồng với giá trung bình 20 phiên của VN-INDEX

Xu hướng trung hạn của VN-INDEX duy trì tích lũy trong kênh rộng 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 -1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 -1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023.

Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân như khuyến nghị, tỉ trọng nếu duy trì ở mức cao nên bắt đầu xem xét bán, giảm tỉ trọng đối với các mã đã đạt kỳ vọng, hoặc cơ cấu bán các mã yếu kém nếu có. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường, vì đây chưa phải là vùng giá hấp dẫn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/6/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
DCM	39.25	33-34	40-42	32	17.0	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
BSR	23.22	19-20	26-28	18	9.0	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	38.30	32	38-39	36	19.7%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	39.00	32.2	40-41	37	21.1%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	18.65	14.2	18-18.5	17.5	31.3%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	46.05	36.8	46-47	43	25.1%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	31.40	28.75	35-36	31	9.2%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	146.50	114.2	145-150	137	28.3%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ	
Mỹ, Đức bất ngờ tăng mua, giá hồ tiêu Việt Nam tăng kỷ lục	Sau một tuần tăng giá liên tục, giá tiêu ngày hôm nay đã vượt qua mốc 160.000 đồng/kg. Giá hạt tiêu được thu mua tại Gia Lai ở mức 157.000 đồng/kg; tại Đồng Nai 157.000 đồng/kg; Đắk Lắk 159.000 đồng/kg; Đắk Nông 161.000 đồng/kg; Bà Rịa - Vũng Tàu 159.000 đồng/kg và Bình Phước 157.000 đồng/kg. Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA) cho biết theo báo cáo của Bộ Công Thương, 5 tháng đầu năm 2024, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam đạt hơn 30.400 tấn, chiếm 26,6% và so cùng kỳ tăng 44%. Đức vươn lên trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam đạt 7.500 tấn, chiếm 6,6% và tăng hơn 103%. Một số thị trường có lượng xuất khẩu tăng ấn tượng như: Italia tăng 179%; Nga tăng 50%; Tây Ban Nha tăng 49%; Ai Cập tăng 39%…
Đau đầu trước mục tiêu mang về 10 tỉ USD từ xuất khẩu thủy sản	Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, dự kiến trong 6 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu thủy sản của cả nước đạt 4,4 tỷ USD, tăng khoảng 6% so với cùng kỳ năm ngoái. Tại đây, ông Trương Đình Hòe, Tổng thư ký VASEP cho biết, trong 5 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu thủy sản của cả nước đạt gần 3,6 tỷ USD tăng 6% so với cùng kỳ 2023. Các mặt hàng xuất khẩu hầu hết tăng trưởng nhẹ, cho thấy sự phục hồi đang diễn ra. Dù vậy ngành thủy sản Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như thiếu hụt nguyên liệu cả nuôi trồng lẫn đánh bắt tự nhiên, cùng các quy định pháp luật hiện hành.
NHNN đề nghị Bộ Công an xử lý hành vi tung tin đồn 'NHNN thiếu vàng để bán'	Tiếp nối công văn số 4695/NHNN-QLNH, NHNN đề nghị Bộ Công an chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp xác minh và xử lý nghiêm các hành vi tung tin đồn thất thiệt, đầu cơ, trục lợi thao túng thị trường. Ngoài ra, chỉ đạo công an địa phương phối hợp đảm bảo an ninh tại các điểm bán vàng của ngân hàng, công ty SJC; hạn chế tình trạng các đối tượng có dụng ý xấu thuê người xếp hàng mua gom vàng, gây mất trật tự trị an.
Sáng nay (11/6), khai mạc Phiên họp thứ 34 Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Tại Phiên họp thứ 34, UBTVQH cho ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung: Việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi); Việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; Việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết về tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH và các Nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia; Việc giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022. Việc giải trình tiếp thu, chỉnh lý các dự thảo nghị quyết khác trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Đợt 2 của Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV.

TIN DOANH NGHIỆP	
PV Power ước đạt hơn 3.300 tỷ doanh thu tháng 5	Báo cáo của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power - Mã: POW) cho biết trong tháng 5, tình hình thời tiết tiếp tục nắng nóng gay gắt kéo dài trên khắp cả nước. Các hồ chứa ở Bắc và Nam Bộ đang trong chu kỳ điều tiết giảm dần về MNC để đón lũ năm 2024, các hồ chứa miền Trung đang ở mực nước tương đối cao, đáp ứng nhu vận hành vào mùa nắng nóng. Giá điện thị trường toàn phần (FMP) bình quân tháng 5 dự kiến khoảng 1.600 đồng/kWh (thời điểm tháng 5/2023 đạt khoảng 1.960 đồng/kWh).
AGM: Angimex xin ý kiến trái chủ bán tài sản bảo đảm trả nợ trái phiếu 210 tỷ đồng	Chỉ còn 21 tỷ đồng tiền mặt trong khi tổng nợ vay lên tới 985,87 tỷ đồng, CTCP Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex, mã AGM) xin ý kiến trái chủ bán tài sản đảm bảo mã trái phiếu AGMH2223001. Trái phiếu AGMH2223001 sẽ đáo hạn ngày 14/9/2024 với dư nợ 210 tỷ đồng Ngày 18/6 sẽ là ngày đăng ký cuối cùng để Angimex chốt danh sách trái chủ thực hiện lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu mã AGMH2223001, thời gian lấy ý kiến trước 17h ngày 15/7/2024.
DCM: Phân bón Cà Mau chia cổ tức bằng tiền, tỉ lệ 20%	Theo kế hoạch, vào ngày 11/6, Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC, HoSE: DCM) sẽ tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 tại Văn phòng Công ty, số 173-179 Trương Văn Bang, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TPHCM. Nhà máy Đạm Cà Mau vận hành an toàn ổn định và vượt mốc sản xuất 10 triệu tấn urê Dự kiến, HĐQT dự trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 chấp thuận chia cổ tức 2023 bằng tiền với tỉ lệ 20%, cao hơn 4% so với kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên 2023 đã thông qua và 10% cho năm 2024.
VSIP đang xin báo cáo ĐTM cho khu công nghiệp hơn 4.900 tỷ đồng tại Thái Bình	Được biết, VSIP là liên doanh lớn nhất của Becamex IDC hợp tác cùng Tập đoàn Sembcorp, thành lập 1996. Đến nay, đã có 12 VSIP trên khắp cả nước, thu hút tổng vốn đầu tư trị giá khoảng 17 tỷ USD và đã tạo ra hơn 300.000 việc làm tại Việt Nam. VSIP đang lấy ý kiến tham vấn cộng đồng đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án KCN quy mô 344 ha, vốn đầu tư 4.930 tỷ đồng tại Thái Bình.

KLGD và VN-Index trong phiên

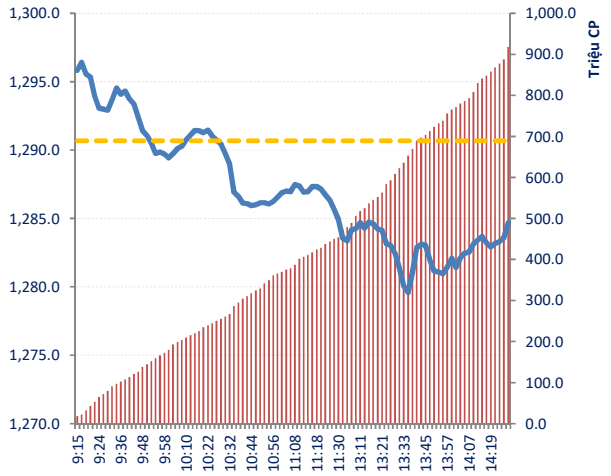

KLGD và HNX-Index trong phiên

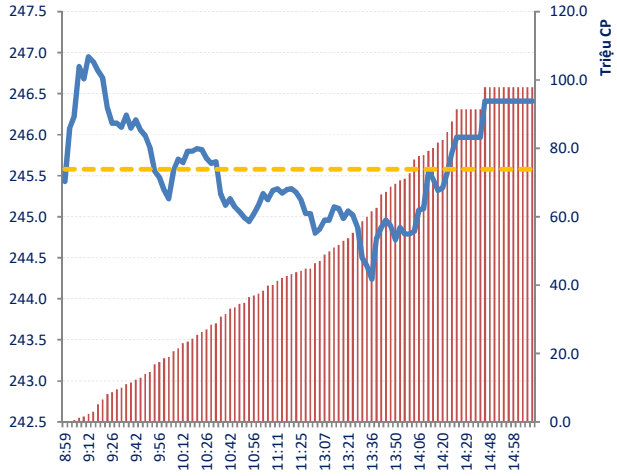

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

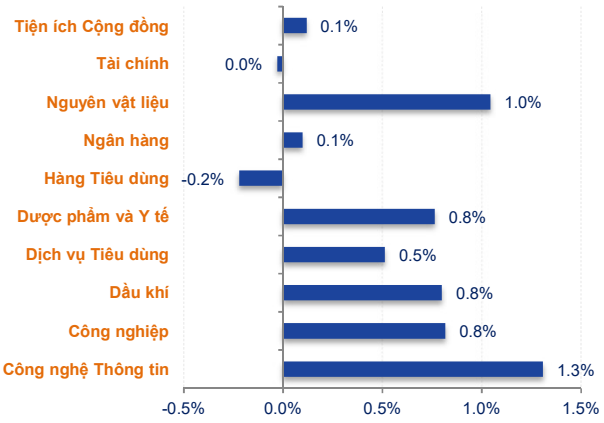

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

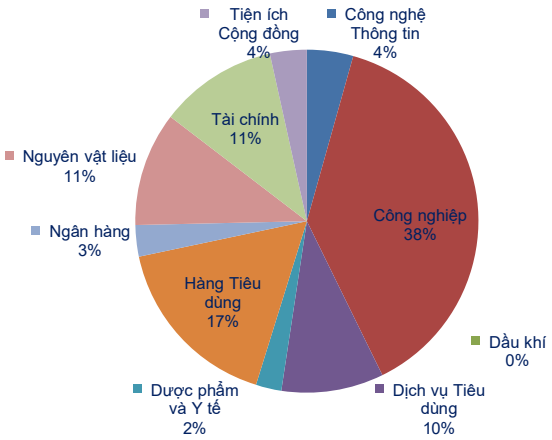

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

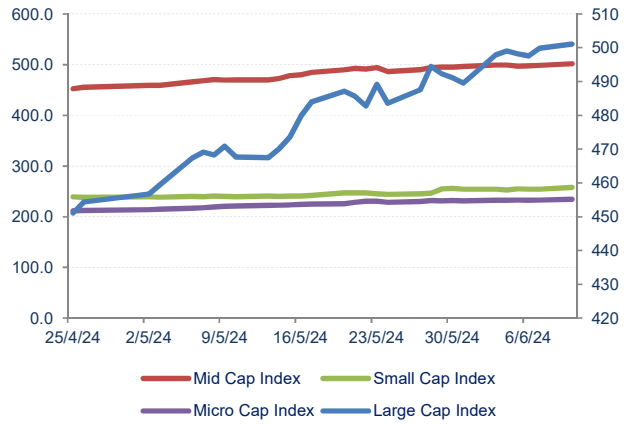

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

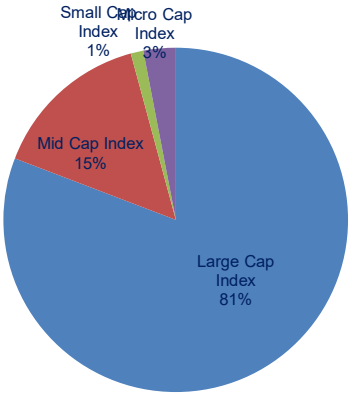

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	POW	2,158,300	HPG	6,971,651
2	PLX	1,654,900	VHM	5,577,763
3	HAH	1,017,654	VPB	3,610,650
4	IJC	512,800	VRE	3,196,135
5	HNG	487,700	FUEVFVND	2,545,640

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
LPB	26.25	25.70	-2.10%	37,846,342
VPB	18.05	18.30	1.39%	34,479,900
MSB	14.90	14.85	-0.34%	29,079,830
HPG	29.30	29.10	-0.68%	28,986,575
NVL	14.70	14.20	-3.40%	28,562,142

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LHG	35.80	38.30	2.50	6.98%
TTE	9.17	9.81	0.64	6.98%
TDW	46.65	49.90	3.25	6.96%
STK	30.35	32.45	2.10	6.92%
L10	19.55	20.90	1.35	6.91%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNC	53.00	49.30	-3.70	-6.98%
TMT	14.65	13.65	-1.00	-6.83%
SMA	9.65	9.00	-0.65	-6.74%
TCM	54.60	51.00	-3.60	-6.59%
HAS	10.30	9.65	-0.65	-6.31%

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TIG	497,400	IDJ	125,900
2	MBS	232,800	HUT	115,700
3	IDC	128,400	AAV	65,500
4	TVC	103,400	PVS	38,778
5	SHS	102,175	TNG	26,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.70	19.20	2.67%	17,182,118
TIG	14.90	16.30	9.40%	8,490,847
HUT	18.70	18.30	-2.14%	5,961,080
MBS	33.60	34.30	2.08%	4,662,544
CEO	18.50	18.40	-0.54%	4,582,253

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NAP	11.00	12.10	1.10	10.00%
BXH	16.00	17.60	1.60	10.00%
ATS	14.30	15.70	1.40	9.79%
TMX	8.20	9.00	0.80	9.76%
TXM	7.20	7.90	0.70	9.72%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BPC	10.00	9.00	-1.00	-10.00%
HMR	36.00	32.40	-3.60	-10.00%
VTC	12.20	11.00	-1.20	-9.84%
VE3	9.30	8.40	-0.90	-9.68%
ARM	31.30	28.30	-3.00	-9.58%

(*) Giá điều chỉnh

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	37,846,342	21.6%	2,914	9.0	1.8
VPB	34,479,900	8.9%	1,525	11.8	1.0
MSB	29,079,830	14.9%	2,310	6.4	0.9
HPG	28,986,575	9.2%	1,455	20.1	1.8
NVL	28,562,142	1.4%	315	46.6	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	17,182,118	5.7%	688	27.2	1.4
TIG	8,490,847	10.3%	1,386	10.8	1.1
HUT	5,961,080	0.7%	97	192.3	1.5
MBS	4,662,544	13.0%	1,475	22.8	2.8
CEO	4,582,253	2.8%	365	50.7	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LHG	7.0%	9.6%	2,988	12.0	1.1
TTE	7.0%	0.8%	86	106.1	0.8
TDW	7.0%	22.1%	6,067	7.7	1.6
STK	6.9%	5.4%	918	33.0	1.8
L10	6.9%	9.7%	2,585	7.6	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NAP	10.0%	9.6%	1,083	10.2	1.0
BXH	10.0%	1.8%	338	47.4	0.9
ATS	9.8%	0.5%	57	249.0	1.2
TMX	9.8%	2.4%	371	22.1	0.5
TXM	9.7%	-3.1%	(494)	-	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	2,158,300	2.4%	350	39.0	0.9
PLX	1,654,900	11.3%	2,570	16.3	1.8
HAH	1,017,654	10.3%	2,978	15.9	1.5
IJC	512,800	8.3%	1,239	13.1	1.4
HNG	487,700	-37.6%	(888)	-	2.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TIG	497,400	10.3%	1,386	10.8	1.1
MBS	232,800	13.0%	1,475	22.8	2.8
IDC	128,400	31.7%	5,880	10.6	3.2
TVC	103,400	17.1%	2,612	3.9	0.6
SHS	102,175	5.7%	688	27.2	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	491,840	20.0%	5,838	15.1	2.8
BID	271,626	18.1%	3,841	12.4	2.1
HPG	187,410	9.2%	1,455	20.1	1.8
GAS	184,428	16.4%	4,688	17.1	2.7
FPT	182,876	22.8%	5,338	27.0	5.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	21,078	7.1%	1,992	22.1	1.5
IDC	20,625	31.7%	5,880	10.6	3.2
HUT	16,690	0.7%	97	192.3	1.5
SHS	15,206	5.7%	688	27.2	1.4
MBS	14,705	13.0%	1,475	22.8	2.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TCD	2.66	1.7%	213	33.4	0.6
EVF	2.64	5.8%	708	21.9	1.3
PSH	2.59	-9.6%	(1,295)	-	0.5
CIG	2.49	2.7%	138	36.9	1.0
GEX	2.40	2.5%	625	38.2	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
IDJ	3.35	5.0%	584	13.4	0.7
API	2.97	-6.9%	(772)	-	0.8
PHN	2.87	39.6%	8,294	8.4	3.0
HMR	2.84	9.2%	1,214	29.6	2.8
DDG	2.77	-29.5%	(3,011)	-	0.4

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

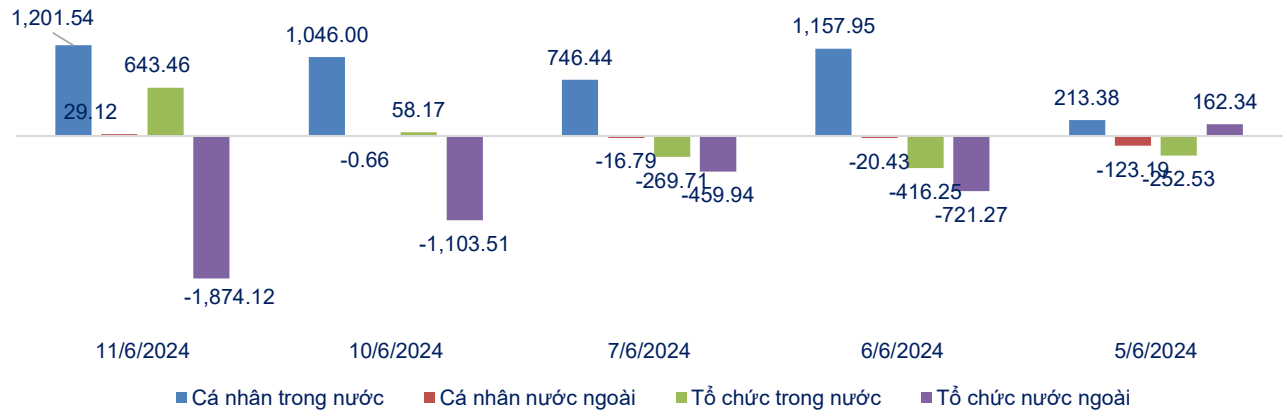

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	223.06	12.1%	5,074	7.7	0.9
HPG	196.18	9.2%	1,455	20.1	1.8
VCB	141.43	20.0%	5,838	15.1	2.8
GAS	104.34	16.4%	4,688	17.1	2.7
VRE	80.90	12.0%	1,966	11.2	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	-133.50	4.8%	963	31.4	1.5
VPB	-87.21	8.9%	1,525	11.8	1.0
PLX	-75.67	11.3%	2,570	16.3	1.8
HAH	-53.56	10.3%	2,978	15.9	1.5
SAB	-48.25	16.0%	3,234	20.9	3.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	14.17	2.4%	350	39.0	0.9
VNM	7.69	26.0%	4,410	15.2	3.9
VIX	5.39	12.8%	1,670	10.9	1.4
VHM	3.73	12.1%	5,074	7.7	0.9
VRE	3.05	12.0%	1,966	11.2	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-8.46	1.4%	315	46.6	0.6
MSN	-4.09	0.8%	214	360.1	2.4
SHB	-2.52	15.6%	2,150	5.5	0.8
FUESSVFL	-2.01	N/A	N/A	N/A	N/A
SSI	-1.75	11.1%	1,702	20.8	2.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	208.50	22.8%	5,338	27.0	5.8
VPB	152.84	8.9%	1,525	11.8	1.0
TCB	151.13	15.2%	5,606	8.7	1.2
PET	133.50	4.8%	963	31.4	1.5
FUEVFVND	84.25	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	-82.29	16.4%	4,688	17.1	2.7
VCB	-56.99	20.0%	5,838	15.1	2.8
BID	-48.21	18.1%	3,841	12.4	2.1
GVR	-27.52	4.6%	628	57.7	2.6
DCM	-22.82	12.0%	2,313	16.8	2.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PLX	71.60	11.3%	2,570	16.3	1.8
HAH	47.86	10.3%	2,978	15.9	1.5
SAB	30.15	16.0%	3,234	20.9	3.3
CSV	19.31	13.3%	4,370	16.2	2.1
POW	15.88	2.4%	350	39.0	0.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-260.56	22.8%	5,338	27.0	5.8
VHM	-217.80	12.1%	5,074	7.7	0.9
HPG	-204.05	9.2%	1,455	20.1	1.8
TCB	-120.98	15.2%	5,606	8.7	1.2
VNM	-114.75	26.0%	4,410	15.2	3.9

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

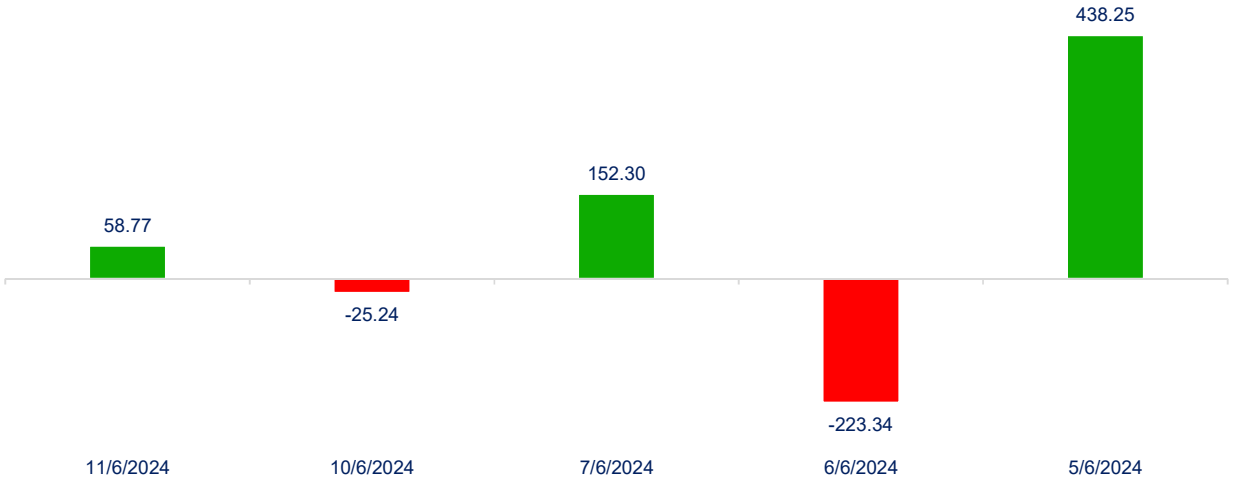

Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)

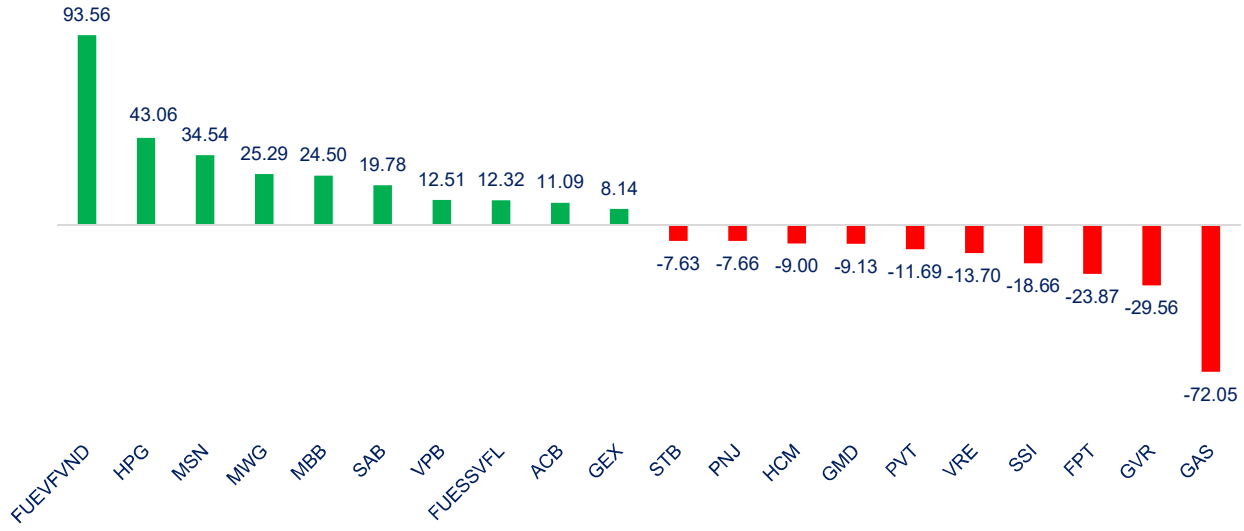

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn